

Số: 920/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng nghề
hệ chính quy cho học sinh, sinh viên khóa 16 TC (9+3), 16 CĐN (12+3)
và các khóa cũ thi lại
Kỳ thi tháng 7/2019**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-LTT-TC ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường”;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BGD&ĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1268/QĐ-LTT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế đào tạo trong dạy nghề hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 948/QĐ-LTT-ĐT ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp cho học sinh Trung cấp chuyên nghiệp khóa 16 TC (9+3); Trung cấp nghề khóa 16 TCN (9+3); Trung cấp khóa 17 T2 (1N3T); Cao đẳng nghề khóa 16 CĐN (12+3); Liên thông cao đẳng khóa 2017 và các khóa cũ thi lại Năm học 2018 -2019;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-LTT-ĐT ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh, thay thế thành viên Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp cho học sinh Trung cấp chuyên nghiệp khóa 16 TC (9+3); Trung cấp nghề khóa 16 TCN (9+3); Trung cấp khóa 17 T2 (1N3T); Cao đẳng nghề khóa 16 CĐN (12+3); Liên thông cao đẳng khóa 2017 và các khóa cũ thi lại Năm học 2018 -2019;

Theo đề nghị của Trường phòng Tuyển sinh - Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng nghề hệ chính quy cho 63 học sinh, sinh viên khóa 16 TC (9+3), 16 CĐN (12+3) và các khóa cũ thi lại như sau:

1. Khóa 16 TC (9+3) và các khóa cũ thi lại: 31 học sinh
2. Khóa 16 CĐN (12+3) và khóa cũ thi lại: 32 sinh viên

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Học sinh, sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, đã nộp chứng chỉ Tin học và tiếng Anh theo quy định được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng nghề theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các học sinh, sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TS-ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đinh Văn Đệ



**DANH SÁCH HỌC SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
KỲ THI THÁNG 7/2019**

(Kèm theo Quyết định số: 920 /QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSHS	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TK	Điểm TB Thi TN	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
											Tin học (A)	Anh văn (A)	
1	15000936	Trần Tuấn Cường	Nam	29/01/2000	Tp. Hồ Chí Minh	15TC-Đ	6,6	6,8	6,7	Trung bình khá	X	X	
2	15003401	Hồ Minh Đức	Nam	25/02/2000	Tp. Hồ Chí Minh	15TC-Đ	6,4	6,2	6,3	Trung bình khá			
3	15001817	Nguyễn Sĩ Nguyên	Nam	19/03/2000	Bắc Ninh	15TC-Đ	6,7	7,4	7,1	Khá		X	
4	15000425	Nguyễn Văn Vinh	Nam	10/01/2000	Nam Định	15TC-Đ	6,6	6,5	6,6	Trung bình khá			
5	15000511	Nguyễn Bá Hoàng Nam	Nam	06/05/1998	Thanh Hoá	15TC-Ô	6,8	6,3	6,6	Trung bình khá		X	
6	15002687	Nguyễn Minh Nhựt	Nam	02/11/1997	Tiền Giang	15TCT-Đ	6,3	7,2	6,8	Trung bình khá		X	
7	15002903	Dương Tiến Sĩ	Nam	02/03/1997	Bình Thuận	15TCT-Đ	6,4	7,2	6,8	Trung bình khá	X	X	
8	15001403	Trần Văn Thi	Nam	15/04/1996	Bình Thuận	15TCT-Đ	6,3	7,8	7,1	Khá		X	
9	15003437	Vũ Văn Triển	Nam	02/01/1996	Lâm Đồng	15TCT-Đ	6,2	7,7	7	Trung bình		X	Thi lại 1 lần 3 môn
10	16003316	Bùi Hồng Doanh	Nam	06/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16TCT-Đ	6,3	7	6,7	Trung bình		X	Thi lại 1 lần 3 môn

STT	MSHS	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TK	Điểm TB Thi TN	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
												Tin học (A)	Anh văn (A)	
11	16003330	Võ Hoàng	Luân	Nam	21/9/1995	Bến Tre	16TCT-Đ	6,6	5,3	6	Trung bình khá		X	Thi TN nghề đạt 01/2019; Thi TNVH đạt 7/2019
12	16001348	Nguyễn Quốc	Cường	Nam	07/07/1997	Khánh Hoà	16TCT-QTM	6,5	7,5	7	Khá		X	
13	16003500	Lữ Tuấn	Hào	Nam	24/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16TCT-Ô1	6,7	6,7	6,7	Trung bình khá			
14	16003653	Nguyễn Anh	Hào	Nam	08/12/1996	Tp. Hồ Chí Minh	16TCT-Ô1	6,6	6	6,3	Trung bình	X		Thi lại 1 lần 3 môn
15	16000129	Lê Ngọc	Hào	Nữ	23/06/2000	Tp. Hồ Chí Minh	16TC-MTT	7,8	8,7	8,3	Giỏi		X	
16	16000120	Hứa Lê Kim	Ngân	Nữ	21/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TC-MTT	7,2	7,3	7,3	Khá		X	
17	16000494	Huỳnh Mai Kim	Ngọc	Nữ	14/11/2001	Bình Dương	16TC-MTT	7,4	8,5	8	Giỏi		X	
18	16001821	Nguyễn Trần Hoàng	Oanh	Nữ	04/05/1998	Long An	16TC-MTT	7,4	8	7,7	Khá		X	
19	16000112	Vũ Thị Thanh	Thảo	Nữ	11/09/2000	Tp. Hồ Chí Minh	16TC-MTT	6,5	6,9	6,7	Trung bình khá	X	X	
20	16000655	Nguyễn Thị Minh	Thuận	Nữ	05/06/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TC-MTT	7,8	9	8,4	Giỏi	X	X	
21	16000515	Lê Thị Bé	Vân	Nữ	18/07/2001	An Giang	16TC-MTT	6,8	7,7	7,3	Khá		X	
22	16000532	Lê Công	Hậu	Nam	18/09/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TC-Ô1	6,9	6,8	6,9	Trung bình khá	X		
23	16000200	Nguyễn Thanh Hoàng	Khải	Nam	19/06/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TC-Ô1	7,5	7,1	7,3	Khá	X		
24	16000380	Phạm Minh	Khải	Nam	21/11/1999	Phú Yên	16TC-Ô1	6,7	5,7	6,2	Trung bình khá		X	
25	16000058	Phan Hoài	Linh	Nam	30/10/1997	Bến Tre	16TC-Ô1	8,1	7,8	8	Giỏi	X		

STT	MSHS	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TK	Điểm TB Thi TN	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
											Tin học (A)	Anh văn (A)	
26	16000202	Lê Duy Phát	Nam	01/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TC-Ô1	6,8	6,2	6,5	Trung bình khá	X		
27	16000024	Dương Tấn Vũ	Nam	21/7/2000	Tp. Hồ Chí Minh	16TC-Ô1	7,1	6,8	7	Khá	X		
28	16001745	Lê Ngọc Tuấn	Nam	26/11/1994	Cần Thơ	16TC-Ô1	7	6,8	6,9	Trung bình khá	X	X	
29	16000019	Huỳnh Hữu Hiếu	Nam	12/7/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TC-QTM	7,2	5,8	6,5	Trung bình khá		X	
30	16000317	Khuong Thiên Long	Nam	31/3/2000	Tp. Hồ Chí Minh	16TC-QTM	7,7	7,8	7,8	Khá		X	
31	16000009	Phạm Quang Minh	Nam	18/8/1997	Đồng Nai	16TC-QTM	7,1	7	7,1	Khá		X	

Tổng cộng danh sách có **31** học sinh.

* Loại **GIỎI** : 04 HS # 12.90 %

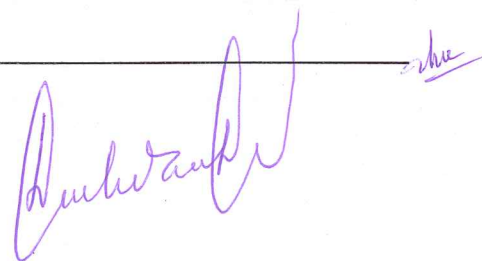
* Loại **KHÁ** : 10 HS # 32.26 %

* Loại **TRUNG BÌNH KHÁ** : 14 HS # 45.16 %

* Loại **TRUNG BÌNH** : 03 HS # 9.68 %

Trong đó: Đã có CC Tin học: 11 (Không tính 03 HS ngành QTM)

Đã có CC Anh văn: 22





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG NGHỀ
KỲ THI THÁNG 7/2019**

(Kèm theo Quyết định số: 920 /QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TK	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
											Tin học (A)	Anh văn (B)	
1	15003198	Đinh Văn	Lợi	Nam	17/8/1997	Bình Phước	15CĐN-QTD	6,8	6,4	Trung bình khá	X	X	
2	16002869	Đoàn Quốc	Bảo	Nam	10/8/1997	Lâm Đồng	16CĐN-Ô1	6,8	7,9	Khá	X	X	
3	16001600	Hồ Dương Thiên	Bảo	Nam	04/8/1997	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐN-Ô1	7,3	8,2	Giỏi	X	X	
4	16003272	Trần Đức	Cường	Nam	04/12/1998	Hải Dương	16CĐN-Ô1	6,4	7,2	Khá		X	
5	16002136	Nguyễn Hải	Đăng	Nam	20/12/1998	Long An	16CĐN-Ô1	6,9	7,5	Khá			
6	16001837	Trần Duy	Đào	Nam	25/02/1998	Bình Định	16CĐN-Ô1	7,3	7,7	Khá		X	
7	16002298	Hồ Quốc	Di	Nam	14/6/1998	Bạc Liêu	16CĐN-Ô1	7	7	Khá		X	
8	16000666	Phạm Minh	Điện	Nam	09/9/1998	Đồng Tháp	16CĐN-Ô1	7,5	7,8	Khá		X	
9	16003874	Trần Thanh	Duy	Nam	16/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐN-Ô1	7,7	8,4	Giỏi		X	
10	16001790	Phạm Việt	Hoàng	Nam	11/12/1997	Đắk Nông	16CĐN-Ô1	6,6	6,8	Trung bình khá	X		
11	16003141	Lê Minh	Huân	Nam	24/9/1998	Thái Bình	16CĐN-Ô1	6,6	7,3	Khá		X	
12	16002068	Nguyễn Văn	Kiên	Nam	28/5/1997	Nam Định	16CĐN-Ô1	6,4	6,7	Trung bình khá			

STT	MSSV	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TK	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
											Tin học (A)	Anh văn (B)	
13	16002924	Bùi Đăng	Nguyễn	Nam	21/4/1997	Bình Định	16CĐN-Ô1	7,5	8,3	Giỏi		X	
14	16000354	Phan Anh	Quốc	Nam	13/7/1994	Phú Yên	16CĐN-Ô1	6,8	7,9	Khá			
15	16002892	Nguyễn	Thọ	Nam	25/12/1998	Bình Định	16CĐN-Ô1	7,7	8,4	Giỏi		X	
16	16001768	Lê Minh	Trường	Nam	18/8/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐN-Ô1	7	7	Khá		X	
17	16002528	Lê Hữu	Viện	Nam	04/9/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐN-Ô1	7,3	8,2	Giỏi		X	
18	16002131	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	03/8/1997	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐN-Ô1	7	8	Giỏi		X	
19	16002977	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	25/7/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐN-QTD	7,7	7,3	Khá	X	X	
20	16002607	Nguyễn Hữu	Đức	Nam	29/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐN-QTD	7,5	6,6	Trung bình khá	X		
21	16003098	Nguyễn Ngọc	Hải	Nam	15/8/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐN-QTD	7,3	6,2	Trung bình khá			
22	16000539	Võ Thế	Lâm	Nam	02/5/1995	Tiền Giang	16CĐN-QTD	8,2	8,6	Giỏi	X		
23	16001207	Võ Thị Út	Liên	Nữ	20/11/1997	Nghệ An	16CĐN-QTD	8,8	8,9	Giỏi		X	
24	16001611	Đồng Thị Ngọc	Mai	Nữ	18/5/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐN-QTD	7,8	7,4	Khá	X		
25	16002405	Võ Thị Mỹ	Nga	Nữ	10/10/1998	Quảng Ngãi	16CĐN-QTD	7,4	6,9	Trung bình khá	X		
26	16002257	Lý Kim	Ngân	Nữ	25/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐN-QTD	7,4	7,5	Khá	X		
27	16001888	Lý Bội	Như	Nữ	07/9/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐN-QTD	7,7	7,5	Khá	X		
28	16002007	Nguyễn Thị Thanh	Phương	Nữ	01/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐN-QTD	7,7	7,3	Khá	X		
29	16003267	Võ Anh	Thư	Nữ	21/6/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐN-QTD	7,3	7,6	Khá			

STT	MSSV	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TK	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
										Tin học (A)	Anh văn (B)	
30	16001027	Đoàn Thị Minh Tiến	Nữ	16/01/1998	Bến Tre	16CĐN-QTD	7,9	7,7	Khá			
31	16001822	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	Nữ	19/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16CĐN-QTD	7,7	7,9	Khá	X		
32	16003640	Trần Minh Tuyên	Nam	12/10/1996	Lâm Đồng	16CĐN-QTD	7,3	7,7	Khá	X		

Tổng cộng danh sách có 32 sinh viên.

* Loại **GIỎI** : 08 SV # 25.00 %

* Loại **KHÁ** : 18 SV # 56.25 %

* Loại **TRUNG BÌNH KHÁ** : 06 SV # 18.75 %

Trong đó: Đã có CC Tin học: 14

Đã có CC Anh văn: 16

